

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 13/01/2025

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thảo

2. Ông Vương Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phúc Hương Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 192/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Quốc K**, sinh năm 1964

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 18, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ở: Thôn 3, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

- Bị đơn: Bà **Vũ Thị N** (tên gọi khác **Vũ Thị Hồng N**), sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ dân phố 18, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ông Nguyễn Quốc K khai:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc K đăng ký kết hôn với bà Vũ Thị N (tên gọi khác là Vũ Thị Hồng N) ngày 21/10/1987 tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Ông K và bà N có tổ chức hỏi, cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi kết hôn, Ông K và bà N sinh sống tại tổ dân phố 18, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, Ông K làm nghề sơ chế dược liệu, bà N không có nghề nghiệp gì, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2002 thì ly thân, năm 2018 bà N đi làm ăn xa nên thi thoảng mới về nhà, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên Ông K làm đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết cho Ông K được ly hôn bà N.

- Về con chung: Ông Nguyễn Quốc K và bà Vũ Thị N (tên gọi khác Vũ Thị Hồng N) có 03 con chung, con thứ nhất là Nguyễn Quốc H, sinh năm 1988 đã lập gia đình riêng, con thứ hai là Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 2000 và con thứ ba là Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 2001 đều trên 18 tuổi, đã tự lập, Do vậy, Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Quốc K tự xác nhận, Ông K và bà Vũ Thị N (tên gọi khác là Vũ Thị Hồng N) không có tài sản gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Ông Nguyễn Quốc K tự xác nhận, Ông K và bà Vũ Thị N (tên gọi khác là Vũ Thị Hồng N) không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án gửi, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bà Vũ Thị N (tên gọi khác là Vũ Thị Hồng N) không đến tham gia tố tụng. Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và vay nợ giữa ông Nguyễn Quốc K và bà Vũ Thị N (tên gọi khác là Vũ Thị Hồng N) tại nơi cư trú, kết quả xác minh như sau:

- Đại diện tổ dân phố 18, phường M, thành phố T cung cấp thông tin: Ông Nguyễn Quốc K và bà Vũ Thị N (tên gọi khác Vũ Thị Hồng N) có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 18, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Ông K và bà N có đăng ký kết hôn. Quá trình sinh sống tại tổ dân phố, Ông K và bà N đều là lao động tự do. Hiện nay Ông K và bà N đã ly thân, bà N đi làm ăn xa nên vợ chồng không còn sự gắn kết, không quan tâm và chia sẻ được với nhau. Ông K tạm trú tại thôn 3, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, bà N đi làm xa, thi thoảng mới về nên không thường xuyên có mặt tại địa phương, cụ thể bà N đi đâu, làm gì Đại diện tổ dân phố không nắm được; Về con chung: Ông K và bà N có 03 con chung, hiện nay đều trên 18 tuổi, đã trưởng thành và tự lập; Về tài sản chung: Ông K và bà N không có tài sản chung; Về vay nợ: Ông K và bà N có vay nợ tổ chức, cá nhân nào hay không thì đại diện tổ dân phố không nắm được. Về việc Tòa án đề nghị Tổ

trưởng tổ dân phố phối hợp về tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho bà N, Đại diện tổ dân phố có ý kiến, gia đình bà N đi làm sớm và về muộn. Do vậy, việc tổng đạt văn bản trực tiếp không thuận tiện, đề nghị Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1988; Trú tại tổ dân phố 18, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang cung cấp thông tin như sau: Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1964 là bố đẻ của anh H và bà Vũ Thị N (tên gọi khác Vũ Thị Hồng N), sinh năm 1965 là mẹ đẻ của anh H. Ông K và bà N cùng có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 18, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay Ông K đang làm ăn sinh sống tại thôn 3, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, bà N đi làm ăn xa, Ông K và bà N ly thân đã lâu và không còn quan tâm đến nhau nữa, anh H không biết địa chỉ cụ thể nơi bà N làm việc, hai mẹ con chỉ liên lạc với nhau qua mạng xã hội, không có số điện thoại, anh H có thông báo và nói chuyện với bà N về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa Ông K và bà N nhưng bà N không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa:

- Ông K và bà N đều vắng mặt, Ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nội dung đơn xin xét xử vắng mặt Ông K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án giải quyết cho Ông K được ly hôn bà N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật; Trình tự phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã thực hiện việc xác minh, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 238, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho ông Nguyễn Quốc K được ly hôn bà Vũ Thị N (tên gọi khác Vũ Thị Hồng N).

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên miễn án phí đối với ông Nguyễn Quốc K và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ tại Tòa án, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Vụ án Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ tại thành phố T. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 227, Điều 173 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không lý do.

- Về việc kiểm tra việc giao nộp chứng cứ: Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì về các tài liệu tòa án công bố tại phiên họp, bị đơn không giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc K và bà Vũ Thị N (tên gọi khác Vũ Thị Hồng N) có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 21/10/1987 tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2002 thì vợ chồng ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng Ông K, bà N lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ không đạt được. Từ những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc K về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà Vũ Thị N (tên gọi khác Vũ Thị Hồng N).

- Về con chung: Ông Nguyễn Quốc K và bà Vũ Thị N (tên gọi khác Vũ Thị Hồng N) có 03 con chung, con thứ nhất là Nguyễn Quốc H, sinh năm 1988 đã lập gia đình riêng, con thứ hai là Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 2000 và con thứ ba là Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 2001 đều trên 18 tuổi, đã tự lập. Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung của Ông K và bà N.

- Về tài sản chung: Theo kết quả xác minh tại nơi cư trú của ông Nguyễn Quốc K và bà Vũ Thị N (tên gọi khác Vũ Thị Hồng N), không xác định được Ông K và bà N có tài sản chung hay không, bà N không có mặt tại địa phương, Ông K xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung.

- Về vay nợ chung: Ông Nguyễn Quốc K xác nhận, ông và bà Vũ Thị N (tên gọi khác Vũ Thị Hồng N), không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết về vay nợ chung.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Quốc K đã trên 60 tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do vậy, ông Nguyễn Quốc K được miễn toàn bộ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Ông Nguyễn Quốc K được trả lại số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Quốc K đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000096 ngày 06/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 238, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Nguyễn Quốc K ly hôn bà Vũ Thị N (tên gọi khác Vũ Thị Hồng N).

Ông Nguyễn Quốc K và bà Vũ Thị N (tên gọi khác Vũ Thị Hồng N) có đăng ký kết hôn theo Giấy công nhận kết hôn số 20 ngày 21/10/1987 tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Quốc K được miễn toàn bộ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Ông Nguyễn Quốc K được trả lại số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Quốc K đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000096 ngày 06/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự

thành phố T. Bà Vũ Thị N (tên gọi khác Vũ Thị Hồng N) không phải chịu án phí của vụ án.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Quốc K và bà Vũ Thị N (tên gọi khác Vũ Thị Hồng N) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Chi cục THADS Tuyên Quang;
- UBND xã M, huyện Y Tuyên Quang;
- UBND p Minh Xuân, tp Tuyên Quang (để niêm yết);
- UBND xã L, thành phố T;
- Tổ trưởng tổ 18 phường M (để niêm yết);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thảo – Vương Minh Tân

Vương Thị Lan

